

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Số: 3429./QĐ-ĐHNL-TS2023

QUYẾT ĐỊNH

**Điểm trúng tuyển (điểm chuẩn) Đại học, Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023
Theo phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông năm 2023**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non";

Căn cứ Quyết định số 5025/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập "Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non";

Căn cứ Thông báo số 101/TB-ĐHNL-TS2023 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành "Phương án tuyển sinh Đại học, Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-ĐHNL-TS2023 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành "Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh Đại học, tuyển sinh Cao đẳng ngành ngành Giáo dục Mầm non năm 2023";

Căn cứ Công văn số 1919/BGDĐT-GDĐH ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh Đại học, tuyển sinh Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 2991/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc "điều chỉnh danh sách thành viên hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh năm 2023";

Căn cứ biên bản họp về việc xác định điểm đủ điều kiện trúng tuyển Đại học, Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023 bằng phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2023;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Ban thư ký,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quyết định điểm trúng tuyển (điểm chuẩn) các ngành trình độ Đại học, trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023 vào Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh đối với thí sinh là học sinh Trung học Phổ thông không hưởng ưu tiên khu vực và đối tượng, theo phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông năm 2023 để xét tuyển. Thí sinh thuộc các nhóm đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên khác được hưởng ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hiện hành.

(Đính kèm bảng điểm chuẩn trúng tuyển)

Điều 2. Các Ông (Bà) Thành viên Hội đồng tuyển sinh, Trưởng Ban Thư ký, các đơn vị chức năng liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Công bố trên website, truyền thông;
- Lưu: HC, ĐT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS Nguyễn Tất Toàn



ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2023 THEO PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023 XÉT TUYỂN VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
(Kèm theo Quyết định số: 3429./QĐ-ĐHNL-TS2023 ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu chung	Điểm chuẩn
1	51140201	Giáo dục Mầm non (Trình độ Cao đẳng)	M00	27	17
Lĩnh vực: Khoa học Giáo dục và Đào tạo Giáo viên				65	
2	7140201	Giáo dục Mầm non (Trình độ Đại học)	M00	20	19
3	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	A00, A01, B00, D08	45	19
Lĩnh vực: Nhân văn				166	
4	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01, D01, D14, D15	126	23
5	7220201N	Ngôn ngữ Anh (Phân hiệu Ninh Thuận)	A01, D01, D14, D15	40	15
Lĩnh vực: Khoa học Xã hội và Hành vi				155	
6	7310101	Kinh tế	A00, A01, D01	155	22,25
Lĩnh vực: Kinh doanh và Quản lý				583	
7	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01	210	22,25
8	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)	A00, A01, D01	40	22,25
9	7340101G	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Gia Lai)	A00, A01, D01	30	15
10	7340101N	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Ninh Thuận)	A00, A01, D01	30	15
11	7340116	Bất động sản	A00, A01, A04, D01	74	20
12	7340116G	Bất động sản (Phân hiệu Gia Lai)	A00, A01, A04, D01	30	15
13	7340301	Kế toán	A00, A01, D01	109	23
14	7340301G	Kế toán (Phân hiệu Gia Lai)	A00, A01, D01	30	15
15	7340301N	Kế toán (Phân hiệu Ninh Thuận)	A00, A01, D01	30	15
Lĩnh vực: Khoa học sự sống				217	
16	7420201	Công nghệ sinh học	A00, A02, B00	157	22,25
17	7420201C	Công nghệ sinh học (Chất lượng cao)	A01, D07, D08	30	22,25
18	7420201G	Công nghệ sinh học (Phân hiệu Gia Lai)	A00, A02, B00	30	15
Lĩnh vực: Khoa học tự nhiên				50	
19	7440301	Khoa học môi trường	A00, A01, B00, D07	50	16
Lĩnh vực: Máy tính và Công nghệ thông tin				410	
20	7480104	Hệ thống thông tin	A00, A01, D07	100	21,5
21	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, D07	270	23
22	7480201N	Công nghệ thông tin (Phân hiệu Ninh Thuận)	A00, A01, D07	40	15
Lĩnh vực: Công nghệ kỹ thuật				436	
23	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	A00, A01, D07	91	21,5
24	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chất lượng cao)	A00, A01, D07	30	21,5
25	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	A00, A01, D07	60	22,5

26	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00, A01, D07	70	23
27	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	A00, A01, D07	45	18,5
28	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	A00, A01, B00, D07	80	23
29	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	A00, A01, D07	30	16
30	7519007N	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo (Phân hiệu Ninh Thuận)	A00, A01, D07	30	15
Lĩnh vực: Kỹ thuật				115	
31	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	A00, A01, D07	70	22
32	7520320	Kỹ thuật môi trường	A00, A01, B00, D07	45	16
Lĩnh vực: Sản xuất và chế biến				499	
33	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00, A01, B00, D08	250	21,25
34	7540101C	Công nghệ thực phẩm (Chất lượng cao)	A00, A01, B00, D08	60	21,25
35	7540101T	Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	A00, A01, B00, D08	30	21,25
36	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	A00, B00, D07, D08	59	16
37	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	A00, A01, B00, D01	100	16
Lĩnh vực: Nông Lâm nghiệp và Thủy sản				859	
38	7620105	Chăn nuôi	A00, B00, D07, D08	140	16
39	7620109	Nông học	A00, B00, D07, D08	119	17
40	7620109G	Nông học (Phân hiệu Gia Lai)	A00, B00, D07, D08	40	15
41	7620112	Bảo vệ thực vật	A00, B00, D07, D08	100	17
42	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	A00, A01, D01	100	17
43	7620116	Phát triển nông thôn	A00, A01, D01	50	16
44	7620201	Lâm học	A00, B00, D01, D08	50	16
45	7620202	Lâm nghiệp đô thị	A00, B00, D01, D08	50	16
46	7620202G	Lâm nghiệp đô thị (Phân hiệu Gia Lai)	A00, B00, D01, D08	40	15
47	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	A00, B00, D01, D08	50	16
48	7620301	Nuôi trồng thủy sản	A00, B00, D07, D08	120	16
Lĩnh vực: Thú y				257	
49	7640101	Thú y	A00, B00, D07, D08	167	24
50	7640101G	Thú y (Phân hiệu Gia Lai)	A00, B00, D07, D08	30	16
51	7640101N	Thú y (Phân hiệu Ninh Thuận)	A00, B00, D07, D08	30	16
52	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	A00, B00, D07, D08	30	25
Lĩnh vực: Môi trường và Bảo vệ môi trường				400	
53	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00, A01, B00, D07	80	16,5
54	7850103	Quản lý đất đai	A00, A01, A04, D01	170	18,75
55	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	A00, B00, D01, D08	40	19
56	7859002G	Tài nguyên và du lịch sinh thái (Phân hiệu Gia Lai)	A00, B00, D01, D08	30	15
57	7859002N	Tài nguyên và du lịch sinh thái (Phân hiệu Ninh Thuận)	A00, B00, D01, D08	30	15
58	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	A00, B00, D07, D08	50	16
Tổng chỉ tiêu				4232	



Ghi chú:

+ **Tổ hợp môn xét tuyển:** **A00** (Toán, Vật Lý, Hóa Học); **A01** (Toán, Vật Lý, Tiếng Anh); **A02** (Toán, Vật Lý, Sinh Học); **B00** (Toán, Hóa Học, Sinh Học); **D01** (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh); **D07** (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh); **D08** (Toán, Sinh Học, Tiếng Anh); **D14** (Ngữ Văn, Lịch Sử, Tiếng Anh); **D15** (Ngữ Văn, Địa Lý, Tiếng Anh),); **M00** (Toán, Văn, Năng khiếu mầm non).

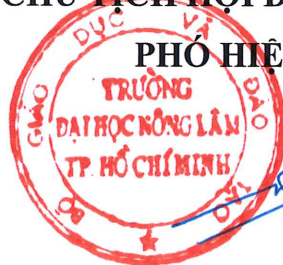
+ **Điểm chuẩn:** Mức điểm xét tuyển tối thiểu thí sinh phải đạt để đủ điều kiện trúng tuyển vào ngành đã đăng ký (quy về thang điểm 30).

(*) **Đối với ngành Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp và ngành Giáo dục Mầm non:** Ngoài điều kiện điểm chuẩn, thí sinh phải thỏa điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(**) **Đối với ngành Ngôn ngữ Anh và ngành Giáo dục Mầm non:** Môn chính là Tiếng Anh (môn Năng khiếu), nhân hệ số 2, quy về thang điểm 30 theo quy định.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Tất Toàn